

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG VÀ BTTTH NGOÀI HĐ		
Mã học phần:	71LAWS40553	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	231_71LAWS40553_01,02,03,04		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có (Tài liệu in giấy)	<input type="checkbox"/> Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng đúng các kiến thức pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong công việc	Trắc nghiệm	50%	Phần trắc nghiệm từ câu 1-20	5	PI3.2
CLO 3	Lựa chọn đúng các văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật để áp dụng trong các tình huống pháp lý liên quan đến hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Tự luận Bài tập tình huống	35%	Câu 1 Câu 3	3.5	PI6.2
CLO 4	Ứng dụng các kỹ năng về soạn thảo hợp đồng dân sự	Tự luận	15%	Câu 2	1.5	PI7.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh

giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi; mỗi câu 0.25 điểm)

Câu 1. Bên có nghĩa vụ:

- A. Được chuyển giao nghĩa vụ cho người khác nếu được bên có quyền đồng ý.
- B. Được chuyển giao nghĩa vụ cho người khác nếu được người này đồng ý.
- C. Được chuyển giao nghĩa vụ cho người trong gia đình của mình nếu bên có nghĩa vụ không thể thực hiện được nghĩa vụ.
- D. Không được chuyển giao nghĩa vụ trong mọi trường hợp.

ANSWER: A

Câu 2. Nếu các bên không có thỏa thuận khác, thực hiện nghĩa vụ do chậm trả tiền sẽ:

- A. Bao gồm tiền lãi trên nợ gốc chậm trả.
- B. Không bao gồm tiền lãi trên nợ gốc chậm trả.
- C. Bao gồm tiền lãi trên số tiền đến hạn phải thực hiện.
- D. Bao gồm tiền lãi trên tổng số tiền còn nợ.

ANSWER: A

Câu 3. Nhận định nào sau đây là đúng:

- A. Người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trong nghĩa vụ liên đới trở thành bên có quyền đối với những người có nghĩa vụ liên đới khác.
- B. Trường hợp bên có quyền đã chỉ định một trong số những người có nghĩa vụ liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, sau đó miễn cho người đó, thì những người còn lại không được miễn thực hiện nghĩa vụ.
- C. Trong nghĩa vụ liên đới, bên có quyền chỉ được quyền yêu cầu mỗi người trong nghĩa vụ liên đới thực hiện phần nghĩa vụ của mình.
- D. Trong trường hợp bên có quyền đã miễn thực hiện nghĩa vụ cho một trong số những người có nghĩa vụ thì những người còn lại cũng được miễn thực hiện nghĩa vụ.

ANSWER: A

Câu 4. Việc giải thích hợp đồng phát sinh khi

- A. Hợp đồng có điều khoản không rõ ràng, điều khoản có thể hiểu nhiều nghĩa khác nhau, hoặc ngôn từ khó hiểu.
- B. Khi một bên có yêu cầu giải thích hợp đồng.
- C. Khi một bên không thực hiện hợp đồng.
- D. Khi các bên có tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.

ANSWER: A

Câu 5. Hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là

- A. Hợp đồng không có giá trị pháp lý kể từ thời điểm giao kết, không làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên đối với nhau.
- B. Hợp đồng không có giá trị pháp lý kể từ thời điểm phát hiện hợp đồng bị vô hiệu.
- C. Các quyền và nghĩa vụ của các bên chấm dứt kể từ thời điểm phát hiện hợp đồng bị vô hiệu.
- D. Những nghĩa vụ mà các bên đã thực hiện trước khi phát hiện hợp đồng bị vô hiệu không bị khôi phục lại.

ANSWER: A

Câu 6. Thỏa thuận nào sau đây không có hiệu lực

- A. Anh A sẽ chuyển nhượng cho B 40.000 cổ phần, ngay khi cha của A hoàn tất việc lập di chúc tại cơ quan công chứng để tặng cho anh A số cổ phần đó.
- B. Anh A nhận cọc của B 100 triệu đồng để 10 ngày sau ký hợp đồng mua bán nhà cho B tại cơ quan Công chứng
- C. anh A thỏa thuận sẽ bán lại cho B chiếc xe mô tô hàng lắp ráp thủ công ngay sau khi xe về đến cửa hàng theo đơn đặt hàng của B với giá bán là 400 triệu đồng.
- D. anh A đồng ý đổi cho B một cái máy tính hiệu Mac Book Pro của A để lấy chiếc máy tính hiệu Microsoft Surface Pro của B.

ANSWER: A

Câu 7. Anh Thanh và anh Nhân giao kết hợp đồng mua bán tài sản bằng văn bản, có công chứng. Sau đó 10 ngày, anh Thanh và anh Nhân thỏa thuận sửa đổi bổ sung điều khoản thanh toán. Trong trường hợp này

- A. Việc sửa đổi bổ sung cũng phải được lập thành văn bản có công chứng.
- B. Các bên có thể sửa đổi bổ sung hợp đồng bằng văn bản và không cần công chứng.
- C. Các bên có thể sửa đổi bổ sung hợp đồng bằng văn bản và chỉ cần có người làm chứng.
- D. Các bên có thể sửa đổi bổ sung hợp đồng bằng bất cứ hình thức nào.

ANSWER: A

Câu 8. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng, nếu một bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng

- A. Bên bị vi phạm không có quyền yêu cầu bên kia phải chịu phạt vi phạm hợp đồng.
- B. Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên kia phải chịu phạt vi phạm hợp đồng.
- C. Bên bị vi phạm không có quyền yêu cầu bên kia phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.
- D. Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên kia vừa phải chịu phạt vi phạm hợp đồng vừa phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

ANSWER: A

Câu 9. Một trong các điều kiện được coi là hoàn cảnh thay đổi cơ bản ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng là:

- A. Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên.
- B. Các bên đã dự liệu trong hợp đồng khi điều đó xảy ra được xem là hoàn cảnh thay đổi cơ bản và phải sửa đổi hợp đồng.
- C. Sự kiện khách quan xảy ra trước khi giao kết hợp đồng mà các bên không lường trước được.
- D. Khi đối tượng của hợp đồng không còn.

ANSWER: A

Câu 10. Khi hợp đồng bị một bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng:

- A. Các bên không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trừ nghĩa vụ liên quan đến thỏa thuận phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại hay giải quyết tranh chấp.
- B. Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết.
- C. Bên vi phạm phải khắc phục hậu quả ngay và báo cho bên bị vi phạm biết để tiếp tục hợp đồng.
- D. Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu như trước khi ký hợp đồng.

ANSWER: A

Câu 11. Nhận định nào dưới đây là đúng:

- A. Điều kiện để hủy bỏ hợp đồng là phải có sự vi phạm nghiêm trọng của một bên hoặc các bên có thỏa thuận quyền được hủy bỏ hợp đồng.
- B. Hủy bỏ hợp đồng là chấm dứt hợp đồng.
- C. Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng tương tự như hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng.
- D. Khi hợp đồng bị hủy bỏ hoặc chấm dứt thì các bên không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào.

ANSWER: A

Câu 12. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng, nếu một bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng;

- A. Bên bị vi phạm không có quyền yêu cầu bên kia phải chịu phạt vi phạm hợp đồng.
- B. Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên kia phải chịu phạt vi phạm hợp đồng.
- C. Bên bị vi phạm không có quyền yêu cầu bên kia phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.
- D. Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên kia vừa phải chịu phạt vi phạm hợp đồng vừa phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

ANSWER: A

Câu 13. Khi có hành vi vi phạm hợp đồng gây ra thiệt hại mà các bên không có thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, cũng không thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng:

- A. Bên bị thiệt hại do vi phạm hợp đồng được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- B. Bên bị thiệt hại do vi phạm hợp đồng không được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.
- C. Bên bị thiệt hại được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng.
- D. Bên bị thiệt hại do vi phạm hợp đồng không được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng.

ANSWER: A

Câu 14. Anh Thanh ký hợp đồng bán cho anh Nhân 01 tấn gạo để anh Nhân thực hiện hoạt động thiện nguyện ủng hộ đồng bào lũ lụt. Do anh Thanh chậm trễ giao hàng quá 10 ngày, mặc dù anh Nhân đã thanh toán trước 30% giá trị hợp đồng, nên anh Nhân đã thông báo chấm dứt hợp đồng với anh Thanh và ký với đơn vị cung ứng khác để kịp kế hoạch thực hiện thiện nguyện. Giá gạo ở hợp đồng sau chênh lệch so với hợp đồng ký với Thanh là 20%. Các bên không có thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này anh Nhân có quyền:

- A. Yêu cầu anh Thanh trả lại khoản thanh toán trước 30% và bồi thường thiệt hại là khoản chênh lệch giá 20% giá trị.
- B. Yêu cầu anh Thanh trả lại khoản thanh toán trước 30% và phạt vi phạm 20% giá trị hợp đồng.
- C. Chỉ được yêu cầu anh Thanh trả lại khoản thanh toán trước 30%.

D. Yêu cầu anh Thanh trả lại khoản thanh toán trước 30%, bồi thường thiệt hại là khoản chênh lệch 20% giá trị hợp đồng và phạt vi phạm hợp đồng theo qui định của pháp luật.

ANSWER: A

Câu 15. Lựa chọn phương án đúng trong các trường hợp sau đây:

A. Tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm trừ cầm giữ tài sản hoặc bảo lưu quyền sở hữu tài sản.

B. Giá trị tài sản bảo đảm phải luôn lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm.

C. Một tài sản được dùng để bảo đảm một nghĩa vụ.

D. Giao dịch bảo đảm mà không thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm thì giao dịch đó bị vô hiệu.

ANSWER: A

Câu 16. Chị Nhàn vay chị Hạ số tiền 300 triệu đồng, thời hạn trả nợ trong vòng 06 tháng và thế chấp cho chị Hạ căn nhà cấp 4 tại huyện Trảng Bom, Đồng Nai. Đến tháng thứ hai kể từ khi vay, chị Nhàn thỏa thuận được với anh Thanh là anh Thanh sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay 300 triệu đồng cho chị Nhàn và được chị Hạ đồng ý. Các bên không có thỏa thuận nào khác. Trong trường hợp này;

A. Biện pháp bảo đảm bằng việc thế chấp căn nhà của chị Nhàn với chị Hạ chấm dứt.

B. Biện pháp bảo đảm bằng việc thế chấp căn nhà của chị Nhàn với chị Hạ tiếp tục duy trì hiệu lực.

C. Biện pháp bảo đảm bằng việc thế chấp căn nhà của chị Nhàn với chị Hạ chuyển sang bảo lãnh của chị Nhàn với chị Hạ cho nghĩa vụ của anh Thanh.

D. Cả anh Thanh, chị Nhàn đều phải tiếp tục thực hiện biện pháp bảo đảm với chị Hạ

ANSWER: A

Câu 17. Hành vi nào sau đây làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại

A. Gây thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết

B. Gây thiệt hại do phòng vệ chính đáng

C. Nhận tặng cho tài sản không có điều kiện

D. Gây thiệt hại do sự kiện bất khả kháng

ANSWER: A

Câu 18. Anh An trong lần sau rượu đã gây gỗ và đánh nhau với anh Bình khiến anh Bình bị thương rách đùi bên trái, phải khâu vết thương và điều trị thuốc men hết 20 triệu đồng. Anh An phải trả toàn bộ các chi phí điều trị này. Việc anh An phải chi trả toàn bộ tiền điều trị cho anh Bình là:

A. Bồi thường tổn thất về sức khỏe cho Bình

B. Bồi thường tổn thất về tài sản cho Bình.

C. Bồi thường tổn thất về tinh thần cho Bình.

D. Bồi thường tổn thất về danh dự, nhân phẩm cho Bình.

ANSWER: A

Câu 19. Nhận định nào sau đây là sai?

A. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá ba mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

B. Pháp nhân xâm phạm đến mồ mã của người khác thì phải bồi thường thiệt hại.

C. Trong trường hợp nhiều người cùng gây thiệt hại thì những người đó phải liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại.

D. Người đã gây ra tình thế cấp thiết dẫn đến thiệt hại xảy ra thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại.

ANSWER: A

Câu 20. Anh X do cạnh tranh với cửa hàng bán nước trái cây, cà phê, trà sữa của anh Y bán rất chạy. Một lần, lợi dụng gia đình anh Y đã dọn hàng nhưng quên khóa cửa, anh X đã lẻn vào đập phá làm hư máy pha chế gây thiệt hại về tài sản của anh Y. Thời hạn để Anh Y được quyền khởi kiện yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại trong trường hợp trên là:

A. 02 năm, kể từ ngày Y biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

B. 03 năm, kể từ ngày xảy ra thiệt hại.

C. 02 năm, kể từ ngày xảy ra thiệt hại.

D. 03 năm, kể từ ngày Y biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu hỏi 1: (1,5 điểm)

Hãy cho biết nhận định dưới đây đúng hay sai? Giải thích.

Khi một bên vi phạm hợp đồng do trở ngại khách quan, thì bên đó không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

Câu hỏi 2: (1,5 điểm)

A và B ký hợp đồng mua bán gạo, theo đó, A bán cho B 20 tấn gạo với tổng giá trị là 500 triệu đồng. Các bên thống nhất bên bán giao gạo thì bên mua thanh toán một lần. Các bên đã soạn thảo điều khoản thanh toán tiền hàng như sau:

“Bên mua thanh toán tiền hàng sau khi nhận hàng”

Hãy giúp các bên soạn thảo lại điều khoản thanh toán tiền hàng cho đúng.

Câu 3, bài tập tình huống (2 điểm)

Chị Nhàn là chủ sở hữu căn nhà số 15 đường số 01 phường A quận B, Thành phố H. Ngày 05.9.2019 chị Nhàn lập hợp đồng ủy quyền tại cơ quan công chứng để ủy quyền cho em ruột của mình là chị Hạ. Nội dung ủy quyền quy định chị Hạ thay mặt chị Nhàn quản lý trông coi căn nhà, được quyền ký hợp đồng cho thuê căn nhà và được quyền tìm kiếm xúc tiến, giới thiệu, rao bán nhà cho chị Nhàn. Hợp đồng ủy quyền có hiệu lực trong vòng 01 năm kể từ ngày ký.

Ngày 05.6.2020, chị Hạ trên cơ sở hợp đồng ủy quyền, đã ký với chị Thu bản “hợp đồng nhận cọc bán nhà” để bán nhà cho chị Thu với giá là 02 tỷ đồng, ký nhận cọc là 500 triệu đồng. Chị Hạ chưa giao tiền cọc cho chị Nhàn.

Biết được việc nhận cọc mua bán nhà và cho rằng chị Hạ đã bán nhà của mình với giá quá rẻ nên chị Nhàn đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án tuyên huỷ “hợp đồng nhận cọc bán nhà” vì vô hiệu.

Hỏi:

- Có căn cứ để xác định Hợp đồng nhận cọc bán nhà” vô hiệu hay không? Giải thích và viện dẫn cơ sở pháp lý. (1điểm)
- Trường hợp xác định “Hợp đồng nhận cọc bán nhà” bị vô hiệu, hãy xác định các hậu quả và cơ sở pháp lý để xác định.(1điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Từ Câu 1 đến câu 10	Phương án A	0.25/câu	
Câu 11 đến câu 20	Phương án A	0.25/câu	
II. Tự luận		5.0	
Câu 1	Sai	0.25	
	Giải thích: Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình.	0.25	
	Trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thể thực hiện được nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.	0.25	
	Còn trở ngại khách quan không phải thuộc trường hợp được miễn trừ trách nhiệm. Trở ngại khách	0.25	

	quan chỉ là căn cứ để không tính vào thời hiệu khởi kiện. Cơ sở pháp lý: Điều 156 và Điều 351 BLDS 2015	0.5	
Câu 2	Đáp án mở; Sinh viên có thể có nhiều cách viết, với điều kiện phải xác định được thời gian cụ thể bên mua phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán, ví dụ: “ <i>Bên mua phải thanh toán tiền hàng ngay khi nhận hàng; hoặc bên mua thanh toán tiền hàng trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận hàng</i> ”	1.5	
Câu 3	a) Có căn cứ để xác định “Hợp đồng nhận cọc bán nhà” vô hiệu (0.25 điểm) Giải thích: - Chị Hạ không có thẩm quyền ký kết hợp đồng. Do chị Hạ không phải là chủ sở hữu nhà, chị Hạ được chủ sở hữu ủy quyền để quản lý trông coi nhà và xúc tiến giới thiệu để bán nhà. Không được ủy quyền để ký hợp đồng bán nhà hoặc nhận đặt cọc bán nhà. (0.25 điểm) - Vô hiệu do chủ thể giao kết hợp đồng không có thẩm quyền đại diện xác lập (0,25 điểm) - Cơ sở pháp lý: Khoản 1 Điều 142 BLDS 2015 (0,25 điểm)	1,0	
	b) Hậu quả pháp lý: - Hợp đồng bị vô hiệu không có giá trị pháp lý, không phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên với nhau. (0,25 điểm) - Các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, chị Hạ phải trả lại 500 triệu tiền nhận cọc cho chị Thu. (0,5 điểm) - Cơ sở pháp lý: Điều 131, Điều 407 BLDS 2015 (0,25 điểm)	1,0	
	Điểm tổng	10.0	

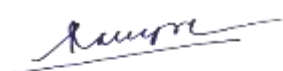
Người duyệt đề



ThS. Đinh Lê Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề



Ths Nguyễn Thị Kim Quyên